

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Tỉnh lộ 259					
1	Đoạn 1	Nhà ông Bùi Văn Mạnh (thôn Phiêng Khảo)	Hết đất nhà ông Phạm Văn Út (thôn Chúa Lải)	1.000	600	600
2	Đoạn 2	Đường rẽ sang hội trường thôn Hợp Thành	Hết đập tràn thôn Hưng Thịnh	2.000	1.200	1.200
3	Đoạn 3	Các vị trí còn lại của đường tỉnh lộ 259 chưa nêu ở trên		650	390	390
II	Từ ngã ba chợ Thanh Vận cũ đến hết đất trường Mầm non Thanh Vận	Toàn tuyến		1.500	900	900
III	Khu Tái định cư thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến Chợ Mới - Bắc Kạn			2.000	1.200	1.200
IV	Đường 259B (từ ngã 3 (đường tỉnh lộ 259) đi xã Mai Lạp cũ)				-	-
1	Đoạn 1	Từ ngã 3 (đường tỉnh lộ 259)	Hết đất nhà ông Dương Văn Vượng	1.500	900	900
2	Đoạn 2	Hết đất nhà ông Dương Văn Vượng	Giáp đất xã Mai Lạp (cũ)	600	360	360
3	Đoạn 3	Nhà ông Nguyễn Hà Ba (thôn Khau Tông)	Hết đất nhà ông Đỗ Văn Toàn (thôn Nà Điếng)	550	330	330
4	Đoạn 4	Nhà ông Trần Văn Giới (thôn Bản Pá)	Hết đất nhà bà Lương Thị Chấm (thôn Khau Tông)	650	390	390
5	Đoạn 5	Đường tràn gần nhà ông Trần Văn Giới	Hết đất nhà ông Hà Văn Triển (thôn Bản Pá)	500	300	300
6	Đoạn 6	Các vị trí còn lại đường 259B		400	240	240
V	Các trục đường xã					
1	Từ đất nhà ông Đàm Văn Hưng đến hết đất nhà ông Hà Văn Toàn (thôn Khau Ràng) sau chợ	Toàn tuyến		550	330	330
2	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Hà Văn Tài (thôn Khau Tông)	Toàn tuyến		500	300	300
3	Từ đất nhà ông Lưu Đình Thứ đến hết đất nhà ông Trần Mạnh Huân (thôn Bản Rả)	Toàn tuyến		400	240	240
4	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên đến hết đất nhà ông Lý Văn Bào (thôn Khau Ràng; đường Pác Cốp - Bản Vá)	Toàn tuyến		500	300	300
5	Từ hết đất nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Triệu Văn Tấn (thôn Bản Pá; đường Pán Pá - Tổng Vụ)	Toàn tuyến		500	300	300

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
6	Các thửa đất bám trục đường liên xã khác chưa nêu ở trên			400	240	240
7	Các thửa đất bám trục đường liên thôn			350	210	210
8	Các đường còn lại			300	180	180

60. Xã Thanh Thịnh

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Quốc lộ 3					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Tân Kỳ	Cầu 62 (Hết đất nhà ông Trần Đại Thảo)	600	360	360
2	Đoạn 2	Cầu 62 (Hết đất nhà ông Trần Đại Thảo)	Km 28-100 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ, thôn Đồng Tiến)	1.500	900	900
3	Đoạn 3	Km28-100 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ, thôn Đồng Tiến)	Km29-00 (cầu Khe Thi)	1.400	840	840
4	Đoạn 4	Km29-00 (cầu Khe Thi)	Km31-00 (hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương)	650	390	390
5	Đoạn 5	Km31-00 (hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương)	Km32-100 (mương Khe Cồn)	1.500	900	900
6	Đoạn 6	Km32-100 (mương Khe Cồn)	Trụ sở BQL các khu công nghiệp Thanh Bình (giáp đất nhà ông Trần Văn Lượng)	1.150	690	690
7	Đoạn 7	Trụ sở BQL các khu công nghiệp Thanh Bình (giáp đất nhà ông Trần Văn Lượng)	Km36-200 (hết đất nhà bà Đinh Thị Rư)	1.900	1.140	1.140
8	Đoạn 8	Từ Km36-200 (hết đất nhà bà Đinh Thị Rư)	hết địa giới hành chính xã Thanh Thịnh	1.100	660	660
II	Các khu quy hoạch dân cư và khu tái định cư					
1	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (dãy 1)			1.900	1.140	1.140
2	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (các dãy còn lại)			900	540	540
3	Khu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình			900	540	540
4	Khu Tái định cư Bàn Áng					
4.1	Bám trục đường QL3			1.500	900	900
4.2	Vị trí còn lại			1.200	720	720
III	Đường Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn)	Giáp đất Khu công nghiệp Thanh Bình	Giáp đất xã Chợ Mới	1.500	900	900
IV	Đường tỉnh 259	Cách lộ giới đường QL3 20m	Hết đất xã Thanh Thịnh	500	300	300
V	Các trục đường khác				-	-
1	Đường Phía đông sông Cầu	Tiếp giáp đường Thái Nguyên - Chợ Mới (thôn Tân Kỳ)	Hết đất xã Thanh Thịnh (tiếp giáp xã Tân Kỳ)	400	240	240

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
		Hợp Nhất)				
2	Các trục đường liên thôn, nội thôn			350	210	210
3	Các đường còn lại			300	180	180

61. Xã Chợ Mới

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đường tỉnh lộ 256 (xã Chợ Mới đi xã Yên Bình)					
1	Đoạn 1	Ngã ba cách lộ giới QL3 là 20m, từ Chi nhánh điện lực	Đầu cầu Yên Đĩnh cũ	3.000	1.800	1.800
2	Đoạn 2	Hết cầu Yên Đĩnh cũ	Chân đèo Bắc Dạt (hết đất bà Hà Thị Lệ)	1.000	600	600
3	Đoạn 3	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên bám trục đường tỉnh lộ 256		500	300	300
II	Từ cầu treo (thôn Đèo Vai 1) đến đường QL3 (Đường Thái Nguyên - Chợ Mới)	Toàn tuyến		800	480	480
III	Đường Thái Nguyên - Chợ Mới (Giáp xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đến giáp đất xã Thanh Thịnh)	Toàn tuyến		2.000	1.200	1.200
IV	Đường liên xã Chợ Mới - Văn Lang				-	-
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Phú Lương	Hết đất Đền Thắm	1.200	720	720
2	Đoạn 2	Hết đất Đền Thắm	Đầu cầu treo thôn Đèo Vai 1	600	360	360
3	Đoạn 4	Từ ngã tư Chợ Quảng Chu cũ	Hết địa giới xã Chợ Mới	400	240	240
V	Các trục đường liên thôn, trục thôn				-	-
1	Đường liên thôn Đoàn Kết - Con Kiến - Bàn Quất (từ giáp đường Thái Nguyên - Chợ Mới đến tiếp giáp đường TL 265)	Toàn tuyến		350	210	210
2	Đường liên thôn Làng Chẽ - Làng Diền (từ giáp đường Thái Nguyên - Chợ Mới)	Toàn tuyến		350	210	210
3	Đường cũ từ thôn Đèo Vai 2 đi thôn Đồng Lương	Giáp đường Thái Nguyên - Chợ Mới (thôn Đèo Vai 2)	Giáp đường Thái Nguyên - Chợ Mới (Cụm công nghiệp Quảng Chu)	400	240	240
4	Trục thôn Đồng Lương	Ngã ba quán ông Hải	Hết đất thôn Đồng Lương	400	240	240
5	Đoạn đường cũ từ thôn Đèo Vai 1 đi	Đoạn đường cũ từ thôn Đèo Vai 1 đi	Hết đất nhà ông Nguyễn Đình	600	360	360

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	thôn Đèo Vai 2	thôn Đồng Luông (Từ nhà ông Lương Thanh Thảo (thôn Đèo Vai 1)	Diên (thôn Đèo Vai 2)			
6	Đường trục thôn Làng Chẽ từ QL3 đến hết đường bê tông thôn Làng Chẽ	Toàn tuyến		350	210	210
7	Đường liên thôn từ thôn 9 (ngã ba đường TL 256) đi thôn 4, thôn 3 đến giáp đường Thái Nguyên-Chợ Mới	Toàn tuyến		400	240	240
8	Từ đất nhà bà Hoàng Thị Hội thôn 11 đến nhà ông Nguyễn Đình Việt (thôn 11)	Toàn tuyến		600	360	360
9	Đường trục thôn 12	Cách lộ giới QL3 20m	Ngã ba đi khu dân cư Tát Kheo	400	240	240
10	Đường trục thôn 8				-	-
10.1	Nhánh 1	Cách lộ giới QL.3 là 20m	Ngã ba đường vào Lâm Trường	400	240	240
10.2	Nhánh 2	Ngã ba trục thôn 8 đi qua đất nhà bà Hương	Suối	400	240	240
11	Các trục đường liên thôn, trục thôn tại xã Như Cổ cũ	Toàn tuyến		350	210	210
VI	Quốc lộ 3	Cầu Ó gà	Hết địa phận xã Chợ Mới	8.000	4.800	4.800
VII	Các trục đường phụ của Quốc lộ 3				-	-
1	Đường đi đến ngã ba giữa thôn 1 và thôn 2	Cách lộ giới QL3 là 20m (cây xăng 31)	Ngã ba giữa thôn 1 và thôn 2 (Nhà ông Phan Bá Thuận, thôn 2)	4.460	2.676	2.676
2	Đường đi cửa hàng vật tư nông nghiệp	Cổng Trung tâm Dạy nghề xã đi qua chợ	Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20m)	4.460	2.676	2.676
3	Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Nhà ông Hoàng Hà Bắc) đến tiếp giáp đất ông Tạ Việt Anh, thôn 6	Toàn tuyến		2.300	1.380	1.380
4	Đường nhánh thôn 2	Giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lành	hết bờ sông Chu	1.200	720	720
5	Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m (Bảo hiểm cũ) đến giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Chút, thôn 2	Toàn tuyến		1.300	780	780
6	Đường nội thị thôn 1	Cách lộ giới QL3 20m	Ngã ba thôn 1 và thôn 2	1.200	720	720
7	Đường đi đến bệnh viện	Cách lộ giới QL3 là 20m (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông	Cổng Bệnh viện	1.300	780	780

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
		thôn)				
8	Đường trục thôn 10 đi thôn 9	Cách lộ giới QL3 20m	Ngã ba đường Chợ Mới - Yên Bình (cách lộ giới TL256 là 20m)	2.100	1.260	1.260
9	Trục đường thôn 11	Cách lộ giới QL3 20m	Giáp bờ sông Cầu	750	450	450
10	Đường nhánh đi Ba Luồng	Cách lộ giới QL3 20m	Hết đất xã Chợ Mới	850	510	510
11	Đoạn đường nội thị thôn 2	Ngã ba giữa thôn 1 và thôn 2	Sông Chu	700	420	420
12	Đường vào Trạm y tế thị trấn Chợ Mới cũ	Toàn tuyến		850	510	510
13	Từ hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc đến hết đất nhà bà Phạm Thị Nguyên	Toàn tuyến		600	360	360
14	Đường nhánh Thôn 5	Giáp đất nhà ông Mã Ngọc Minh	Hết đất nhà ông Nguyễn Đình Phú	700	420	420
15	Đoạn từ giáp đất ông Tạ Duy Cường đến hết đất bà Nguyễn Thị Yên	Toàn tuyến		850	510	510
16	Đường nhánh Thôn 7	Giáp đất Công an xã Chợ Mới	Giáp đường nội thị	1.200	720	720
17	Đoạn đường nhánh từ Tòa án huyện cũ đến hết đất giáp đường nội thị	Toàn tuyến		700	420	420
18	Đoạn đường nhánh Thôn 2	Giáp đất nhà ông Đình Khắc Tiến	Hết đất ông Vũ Đình Nghĩa (Sông Chu)	700	420	420
19	Các đường còn lại thuộc thôn 1, 2, 5, 7, 8, 9, 10, 11			300	180	180
20	Các đường còn lại			250	150	150

62. Xã Yên Bình

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đường ĐT256				-	-
1	Đoạn 1	Đất xã Yên Bình (giáp đất xã Chợ Mới)	Km18+50 (hết đất nhà ông Ma Phúc Thái)	500	300	300
2	Đoạn 2	Km18+50 (hết đất nhà ông Ma Phúc Thái)	Km18+950 (hết đất nhà ông Ma Văn Thạn)	900	540	540
3	Đoạn 3	Km18+950 (hết đất nhà ông Ma Văn Thạn)	Km20+200 (đỉnh đèo Kéo Kít)	600	360	360
4	Đoạn 4	Km20+200 (đỉnh đèo Kéo Kít)	Km22+830 (cầu Thôm Châu)	700	420	420
5	Đoạn 5	Km22+830 (cầu Thôm Châu)	Km24+50 (hết đất nhà ông Ma Văn Giang, thôn Chợ Tinh)	900	540	540
6	Đoạn 6	Km24+50 (hết đất nhà ông Ma Văn Giang, thôn Chợ Tinh)	Km25+160 (hết đất nhà ông Ma Văn Hằng, thôn Nà Hoáng)	1.100	660	660
7	Đoạn 7	Km25+160 (hết đất nhà ông Ma Văn Hằng, thôn Nà Hoáng)	Hết đất xã Yên Bình (giáp với xã Xuân Dương)	400	240	240
II	Các trục đường xã				-	-
1	Đường liên xã Yên Bình – xã Tân Kỳ				-	-
1.1	Đoạn 1	Km25+160 (hết đất nhà ông Ma Văn Hằng, thôn Nà Hoáng)	Cầu Tà Lải thôn Nà Hin, xã Yên Bình	600	360	360
1.2	Đoạn 2	Cầu Tà Lải thôn Nà Hin, xã Yên Bình	Hết đất xã Yên Bình (giáp với xã Tân Kỳ)	400	240	240
2	Các trục đường liên thôn			300	180	180
3	Các đường còn lại			250	150	150

63. Xã Phong Quang

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đường Bàn Văn Hoan	Toàn tuyến		6.000	3.600	3.600
II	Đường Tây Minh Khai				-	-
1	Đoạn 1	Giáp đường Bàn Văn Hoan	Cầu Nặm Cắt	5.000	3.000	3.000
2	Đoạn 2	Cầu Nặm Cắt	Hết địa phận xã Phong Quang	6.000	3.600	3.600
III	Tuyến đường Bắc Kạn - hồ Ba Bể				-	-
1	Đoạn 1	Giáp đất phường Bắc Kạn	Cầu Quan Nưa	3.000	1.800	1.800
2	Đoạn 2	Cầu Quan Nưa	Hết địa phận xã Dương Quang cũ	2.500	1.500	1.500
3	Đoạn 3	Giáp ranh đất xã Dương Quang cũ	Hết đất bà Hoàng Thị Hoan	2.000	1.200	1.200
4	Đoạn 4	Giáp đất bà Hoàng Thị Hoan	Hết địa phận xã Phong Quang	1.500	900	900
IV	Các trục đường xã				-	-
1	Đường đi cánh đồng Nà Pài	Nhà ông Hoàng Văn Chính	Đầu cánh đồng Nà Pài	1.500	900	900
2	Đường đi đập tràn Hồ chứa nước Nặm Cắt	Hết đất ông Nguyễn Triệu Khiết	Đập tràn Hồ chứa nước Nặm Cắt	1.300	780	780
3	Khu trục đường Đôn Phong - Bản Chiêng	Toàn tuyến		800	480	480
4	Khu trục đường liên thôn Nà Ôi - Quan Nưa	Toàn tuyến		1.000	600	600
5	Khu trục đường liên thôn Nà Pài	Toàn tuyến		800	480	480
6	Nông Văn Quang				-	-
6.1	Đoạn 1	Giáp đất phường Bắc Kạn	Hết Trường Quân sự tỉnh	2.000	1.200	1.200
6.2	Đoạn 2	Giáp Trường Quân sự tỉnh	Hết khu Nà Cườm	1.500	900	900
7	Trục đường Bàn Cẩu - Bản Trang	Toàn tuyến		800	480	480
8	Trục đường Quan Nưa - Bản Giêng	Toàn tuyến		800	480	480
9	Đất ở các khu vực còn lại của thôn Nà Ôi			1.500	900	900
10	Khu vực thôn Phặc Trảng				-	-
10.1	Đoạn 1	Giáp đất Phường Đức Xuân	Hết đất ông Nguyễn Hữu Khiết	10.500	6.300	6.300
10.2	Đoạn 2	Các khu vực còn lại của thôn Phặc Trảng		2.500	1.500	1.500
11	Các đường còn lại			600	360	360

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	của thôn: Quan Nưa, Nà Rì, Bản Bung, Bản Pên, Nà Cướm, Nà Rào, Bằng Giềng					
12	Các đường còn lại của thôn: Nà Vàng, Nà Pán, Nà Đán, Bản Đán, Bản Chiêng			500	300	300
13	Các đường còn lại của thôn: Nặm Tốc, Vàng Bó, Nà Lồm, Lũng Lâu			300	180	180
14	Các đường trục xã và liên xã còn lại			800	480	480
V	Các khu dân cư và khu tái định cư				-	-
1	Khu tái định cư Bản Bung thuộc dự án hồ chứa nước Nặm Cắt			1.200	720	720
2	Đường nội bộ khu dân cư Phặc Tràng			8.000	4.800	4.800
3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nặm Cắt			2.500	1.500	1.500
4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc				-	-
4.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m			7.000	4.200	4.200
4.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m			8.000	4.800	4.800

64. Xã Bạch Thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Quốc lộ 3B					
1	Đoạn 1	Giáp ranh phường Bắc Kạn	Hết thôn Nà Đính	800	480	480
2	Đoạn 2	Công chào thôn Khuổi Cò	Hết cầu Nà Coọng	600	360	360
3	Đoạn 3	Km161+600 QL3B	Hết cầu Khuổi Lêng thôn Tổng Ngay	600	360	360
4	Đoạn 4	Nhà văn hóa thôn Tổng Mú	Km 163+800 QL3B	550	330	330
5	Đoạn 5	Cầu Bản Pè	Km165+100 QL3B	600	360	360
6	Đoạn 6	Cầu Nà Đái	Km171+400 QL3B	800	480	480
7	Đoạn 7	Đầu đường rẽ từ QL3B đi vào Pác Giã - Khuổi Ném	Km174+800 QL3B	750	450	450
8	Đoạn 8	Các vị trí khác của đường QL3B chưa nêu ở trên		300	180	180
II	Trục đường ĐT254B đi qua các thôn Đồng Tiến, Đồng Nam	Toàn tuyến		350	210	210
III	Các trục đường xã				-	-
1	QL 3B rẽ qua cầu treo Phiêng An (trừ các thửa bám QL 3B)	Cầu treo Phiêng An	Hết đường giao thông thôn Phiêng An	300	180	180
2	QL 3B rẽ qua cầu treo Nà Liu (trừ các thửa bám QL 3B)	Cầu treo Nà Liu	Hết đường giao thông thôn Nà Hin	300	180	180
3	QL 3B rẽ qua cầu treo Nà Lặng (trừ các thửa bám QL 3B)	Cầu treo Nà Lặng	Hết đường thôn Nà Lặng (cũ)	300	180	180
4	Các nhánh rẽ từ QL 3B rẽ đi thôn Khuổi Piều (trừ các thửa đất bám QL 3B)			350	210	210
5	Từ QL 3B rẽ đi các thửa đất đầu thôn Nà Thoi (các thửa đất từ đầu cầu treo Nà Thoi trở ra QL 3B, trừ các thửa bám QL 3B)			350	210	210
6	Từ phía bên kia cầu treo Nà Thoi	Cầu treo Nà Thoi	Hết đường thôn Nà Thoi, Boóc Khún	300	180	180
7	Từ QL 3B rẽ đi thôn Nà Đính (trừ các thửa đất bám QL 3B)			350	210	210
8	Các nhánh rẽ từ QL 3B rẽ đi thôn Khuổi Cò (trừ các thửa đất bám QL 3B)			350	210	210
9	Đường rẽ từ QL3B qua cầu treo đi thôn Bản Mún và thôn Nà Coọng (trừ các thửa đất bám QL 3B)			300	180	180

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
10	Các nhánh rẽ từ QL 3B đi thôn Tổng Ngay (trừ các thửa đất bám QL 3B)			350	210	210
11	Các nhánh rẽ từ QL 3B đi thôn Bản Pè (trừ các thửa đất bám QL 3B)			350	210	210
12	Đường rẽ từ QL3B qua cầu treo đi thôn Nà Chèn cũ (trừ các thửa đất bám QL 3B)			300	180	180
13	Đường rẽ từ QL3B qua cầu treo đi thôn Nà Mèo cũ (trừ các thửa đất bám QL 3B)			300	180	180
14	Đường rẽ từ QL 3B đi thôn Nà Chang cũ (trừ các thửa đất bám QL 3B)			300	180	180
15	Đường rẽ từ QL 3B qua cầu treo Khau Chủ - Cốc Lùng đi thôn Khau Chủ, Cốc Lùng (cũ) (trừ các thửa đất bám QL 3B)			300	180	180
16	Các nhánh rẽ từ QL 3B đi thôn Bản Cầu (cũ) (trừ các thửa đất bám QL 3B)			350	210	210
IV	Các đường còn lại			200	120	120

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Quốc lộ 3					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Cẩm Giàng	Ngã ba Tân Tú đường rẽ vào UBND xã Tú Trĩ cũ	2.000	1.200	1.200
2	Đoạn 2	Ngã ba Tân Tú đường rẽ vào UBND xã Tú Trĩ cũ	Hết công Nà Hái (giáp đường vào Trung tâm y tế Bạch Thông)	5.000	3.000	3.000
3	Đoạn 3	Giáp công Nà Hái về phía Bắc	Hết khu dân cư Khuổi Nim	5.500	3.300	3.300
4	Đoạn 4	Giáp đất khu dân cư Khuổi Nim	Hết cầu Nà Món	5.000	3.000	3.000
5	Đoạn 5	Giáp cầu Nà Món	Hết Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1	2.000	1.200	1.200
6	Đoạn 6	Giáp Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1	Hết địa phận xã Phú Thông	800	480	480
II	Tỉnh lộ 258				-	-
1	Đoạn 1	Giáp Quốc lộ 3	Cầu Đeng	3.300	1.980	1.980
2	Đoạn 2	Giáp Cầu Đeng	Đường rẽ vào thôn Khuổi Lừa cũ nay là thôn Phương Linh (Bám dọc đường tỉnh lộ 258)	2.000	1.200	1.200
3	Đoạn 3	Đường rẽ vào thôn Khuổi Lừa cũ (nay là thôn Phương Linh)	Giáp đất xã Thượng Minh (Bám dọc đường tỉnh lộ 258)	800	480	480
III	Các tuyến đường nhánh QL3				-	-
1	Đường đi vào Trung tâm y tế Bạch Thông	Công Nà Hái QL3 đoạn từ Điện lực Phú Thông	Hết Trung tâm y tế Bạch Thông	2.000	1.200	1.200
2	Đoạn đường lên Ủy ban nhân dân xã Phú Thông	Toàn tuyến		2.000	1.200	1.200
3	Đường đi vào Trường Mầm non Phương Thông	Cửa hàng xăng dầu - số 32 Phú Thông	Hết đất Trường Mầm non Phương Thông	2.000	1.200	1.200
4	Đường vào nhà họp thôn Khuổi Châm cũ	Đường lên đến công Trường Trung học cơ sở Phú Thông	Nhà họp thôn Khuổi Châm cũ	2.000	1.200	1.200
5	Đường đi ĐT258	Ngã ba QL3 (giáp công an huyện Bạch Thông cũ)	ĐT258	2.500	1.500	1.500
6	Từ QL3 đi vào ngã ba bưu điện Tân Tú cũ (thôn Pò Đeng)	Cách lộ giới QL3 20m	Ngã ba bưu điện Tân Tú cũ (thôn Pò Đeng)	600	360	360
IV	Các tuyến đường nhánh TL258				-	-

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
1	Đường lên Trường Trung học phổ thông Phú Thông:	Giáp đường 258	Cổng Trường Trung học phổ thông Phú Thông	2.000	1.200	1.200
2	Đoạn từ nhà ông Hoàng Á Lợi và Bùi Ngọc Thông đến giáp suối Tà Giàng	Nhà ông Hoàng Á Lợi và Bùi Ngọc Thông	Giáp suối Tà Giàng	2.000	1.200	1.200
V	Các trục đường trong xã				-	-
1	Đường trục chính liên xã Lục Bình, Tân Tú, Vi Hương, thị trấn Phú Thông cũ, giáp tỉnh lộ 258	Toàn tuyến		600	360	360
2	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lục Bình cũ đến đường rẽ vào thôn Nà Cao	Toàn tuyến		700	420	420
3	Đất ở trung tâm Ủy ban nhân dân các xã Vi Hương, Tân Tú, Lục Bình cũ có khoảng cách 100m đi về hai phía	Toàn tuyến		700	420	420
VI	Các khu dân cư				-	-
1	Khu dân cư Bắc Lanh Chang				-	-
1.1	Các thửa đất bám mặt đường liên xã tại khu dân cư Bắc Lanh Chang			2.500	1.500	1.500
1.2	Các thửa đất còn lại trong khu dân cư Bắc Lanh Chang			1.600	960	960
2	Khu dân cư Khuổi Nim giai đoạn 02			3.800	2.280	2.280
VII	Các đường còn lại				-	-
1	Các đường còn lại của thị trấn Phú Thông cũ			1.000	600	600
2	Các đường trục xã và liên xã còn lại tại các xã Vi Hương cũ, xã Tân Tú cũ, xã Lục Bình cũ			500	300	300
3	Các đường còn lại tại các xã Vi Hương cũ, xã Tân Tú cũ, xã Lục Bình cũ			300	180	180

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Quốc lộ 3					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Phù Thông	Cổng Ba Phường	2.000	1.200	1.200
2	Đoạn 2	Cổng Ba Phường	Hết đường rẽ thôn Khuổi Chanh (cũ) nay là thôn Nà Tu mới	2.500	1.500	1.500
3	Đoạn 3	Hết đường rẽ thôn Khuổi Chanh (cũ) nay là thôn Nà Tu mới	Giáp đất phường Đức Xuân	2.000	1.200	1.200
II	Các trục đường xã				-	-
1	Đường đi cầu Cốc Xá	Km6 thôn Nam Hà	Hết cầu Cốc Xá	700	420	420
2	Đường đi cầu thôn Khau Mạ	Giáp cầu Cốc Xá	Hết cầu thôn Khau Mạ	500	300	300
3	Đường đi cầu Tả Liên thôn Nà Phả	Giáp cầu thôn Khau Mạ	Hết cầu Tả Liên thôn Nà Phả	800	480	480
4	Đường đi thôn Bắc Lanh Chang xã Phù Thông	Giáp cầu Tả Liên thôn Nà Phả	Thôn Bắc Lanh Chang xã Phù Thông	500	300	300
5	Từ giáp QL3 (tuyến đường đi qua chợ Quân Bình) đến hết đất nhà bà Lưu Thị Biễn thôn Thôm Mò (Thửa 339, tờ 59)	Giáp QL3 (tuyến đường đi qua chợ Quân Bình)	Hết đất nhà bà Lưu Thị Biễn thôn Thôm Mò (Thửa 339, tờ 59)	800	480	480
6	Từ giáp đất nhà bà Lưu Thị Biễn thôn Thôm Mò (Thửa 339, tờ 59) đi thôn Bản Lạnh xã Phù Thông	Toàn tuyến		500	300	300
7	Từ nhà ông Nguyễn Tiến Tứ thôn Bản Luông (Mỹ Thanh cũ) đến hết đất nhà bà Lý Thị Thạo thôn Bản Luông (Mỹ Thanh cũ)	Nhà ông Nguyễn Tiến Tứ thôn Bản Luông (Mỹ Thanh cũ)	Hết đất nhà bà Lý Thị Thạo thôn Bản Luông (Mỹ Thanh cũ)	800	480	480
8	Từ nhà bà Trần Thị Hoa (thôn Quăn, xã Nguyên Phúc cũ) đến hết đất nhà ông Nguyễn Mạnh Cường (thôn Nà Rào, xã Nguyên Phúc cũ)	Nhà bà Trần Thị Hoa (thôn Quăn, xã Nguyên Phúc cũ)	Hết đất nhà ông Nguyễn Mạnh Cường (thôn Nà Rào, xã Nguyên Phúc cũ)	600	360	360
9	Các ô đất lô 2 khu tái định cư luyện gang Cẩm Giàng và lô 2 khu Chợ cũ Cẩm Giàng			1.500	900	900
10	Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m lên cổng Trường Trung học cơ sở Cẩm Giàng (trừ lô 2 khu chợ cũ)			1.500	900	900
11	Khu Tái định cư Cẩm Giàng tại thôn Nà Tu			1.500	900	900
12	Các đường trục thôn còn lại			400	240	240
13	Các đường còn lại			300	180	180

67. Xã Vĩnh Thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đất ở trung tâm UBND các xã Sỹ Bình cũ - Vũ Muộn cũ đi về 2 phía có khoảng cách 100m			500	300	300
II	Đường tỉnh 253B (đường Sỹ Bình - Vũ Muộn - Cao Sơn)				-	-
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Phú Thông	Hết thửa đất của hộ ông Bàn Văn Thanh (thôn Nà Lặng)	300	180	180
2	Đoạn 2	Giáp thửa đất hộ ông Bàn Văn Thanh (thôn Nà Lặng)	Suối Nà Khau (thôn 1A Nà Loạn)	350	210	210
3	Đoạn 3	Suối Nà Khau (thôn 1A Nà Loạn)	Đầu thôn Bắc Sơn (hết thửa đất hộ ông Đinh Quang Tượng)	300	180	180
4	Đoạn 4	Đầu thôn Bắc Sơn (giáp thửa đất hộ ông Đinh Quang Tượng)	Hết thửa đất hộ ông Dương Đức Vực (thôn Nam Sơn)	350	210	210
5	Đoạn 5	Giáp thửa đất hộ ông Dương Đức Vực (thôn Nam Sơn) đi Côn Minh	Hết đất xã Vĩnh Thông	300	180	180
III	Các trục đường xã và thôn				-	-
1	Đoạn từ chợ Sỹ Bình đến hết đất của hộ ông Bé Văn Thịnh (thôn Nà Cà)	Toàn tuyến		300	180	180
2	Từ ngã ba thôn Nà Cà đến hộ bà Nguyễn Thị Điệp (thôn Nà Cà)	Toàn tuyến		200	120	120
3	Từ đất của hộ ông Bé Văn Thịnh (thôn Nà Cà) đến hết đất thôn Pù Cà	Toàn tuyến		300	180	180
4	Đường CT 229	Nhà văn hoá thôn Pù Cà	Cầu Cốc Càng	150	90	90
5	Từ đường rẽ vào thôn Thôn Phụ đến tiếp giáp đất xã Cẩm Giàng (đường Cao Sơn - Mỹ Thanh cũ)	Toàn tuyến		300	180	180
6	Tuyến đường từ xã Vĩnh Thông đi xã Văn Lang	Toàn tuyến		300	180	180
7	Các đường còn lại			100	60	60

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đất khu du lịch - Đường ĐT258					
1	Đoạn 1	Cầu Bó Lù	Hết thôn Pác Ngòi, xã Ba Bể	3.600	2.160	2.160
2	Đoạn 2	Khu vực nhà nghỉ Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bể		6.000	3.600	3.600
3	Đoạn 3	Cầu Bó Lù	Hết đất xã Ba Bể, giáp xã Nam Cường	1.000	600	600
4	Đoạn 4	Khu vực nhà nghỉ Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bể	Xuống bến phà (bờ Bắc)	3.000	1.800	1.800
5	Đoạn 5	Từ Bưu điện xã Nam Mẫu (cũ)	Xuống bến phà (bờ Nam)	3.000	1.800	1.800
6	Đoạn 6	Đường xung quanh hồ từ tiếp giáp đường ĐT258 đến tiếp giáp đường ĐT254		3.000	1.800	1.800
7	Đoạn 7	Từ cầu Bó Lù mới	Đến hết thôn Cốc Tộc	1.500	900	900
II	Đất ở dọc trục đường ĐT258 (đọc hai bên đường)					
1	Đoạn 1	Hết đất xã Chợ Rã	Đường rẽ vào nhà họp thôn Bản Nân	2.000	1.200	1.200
2	Đoạn 2	Đường rẽ vào nhà họp thôn Bản Nân	Đến hết thôn Nà Mầm, xã Ba Bể (đọc hai bên đường ĐT258)	1.700	1.020	1.020
	Trục phụ					
1	Đoạn 1	Ngã ba Cáp Trạng thôn Nà Mầm	Ngã tư công vườn Quốc gia	400	240	240
2	Đoạn 2	Ngã tư công vườn Quốc gia	Ngã ba công trong vườn Quốc gia	450	270	270
3	Đoạn 3	Đường rẽ vào thôn Nà Kiêng, Nà Cọ	Cầu Nà Mơ, thôn Nà Cọ	400	240	240
4	Đoạn 4	Ngã ba đường 258 (khu di tích lịch sử Đài Tiếng nói Việt Nam, thôn Bản Vài)	Cầu Pác Slai, thôn Bản Vài	500	300	300
5	Đoạn 5	Cầu Pác Slai, thôn Bản Vài	Đến đường rẽ lên Trường mầm non cao Thượng	350	210	210
6	Đoạn 6	Đường rẽ lên Trụ sở UBND xã Ba Bể	Đầu cầu Bản Nưa	800	480	480
III	Đường QL279 (đọc hai bên đường)					
1	Đoạn 1	Từ hết đất xã Chợ Rã	Công Trường tiểu học bán trú Cao Thượng	400	240	240
2	Đoạn 2	Công Trường tiểu học bán trú Cao Thượng	Cầu Pác Nghè	600	360	360
3	Đoạn 3	Cầu Pác Nghè	Hết đất xã Ba Bể	350	210	210
	Trục phụ					

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
1	Đoạn 1	Đường rẽ lên Trường mầm non cao Thượng	Buru điện Cao Thượng cũ	600	360	360
2	Đoạn 2	Công Trường tiểu học bán trú Cao Thượng	Buru điện xã Cao Thượng cũ	400	240	240
3	Đoạn 3	Từ ngã ba QL279 đến hết đất xã Ba Bể đi Cao Minh		300	180	180
IV	Đường ĐT257B (đọc hai bên đường)					
1	Đoạn 1	Tiếp đất xã Chợ Rã	Hết đất xã Ba Bể dọc 2 bên đường	500	300	300
V	Tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh					
1	Đoạn 1	Khách sạn Suối Đậu	Đường rẽ xuống Cầu dân sinh đi thôn (Nà Kiêng, Nà Cọ và Nà Niêng)	1.000	600	600
2	Đoạn 2	Tiếp từ đường rẽ xuống Cầu dân sinh đi thôn (Nà Kiêng, Nà Cọ và Nà Niêng)	Hết đất xã Ba Bể	500	300	300
VI	Tuyến đường Thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể Kết nối sang Na Hang - Tuyên Quang					
1	Đoạn 1	Từ đầu tuyến	Hết đất xã Ba Bể	400	240	240
VII	Khu tái định cư					
2	Khu tái định cư Khâu Ban			500	300	300
VIII	Các đường còn lại					
1	Các đường còn lại chưa nêu ở trên trong địa bàn xã là đường bê tông (bám mặt đường)					
	Các thôn Bó Lù, Pác Ngòi, Cốc Tộc			300	180	180
	Các thôn còn lại			200	120	120
2	Các đường còn lại chưa nêu ở trên					
	Các thôn Bó Lù, Pác Ngòi, Cốc Tộc			200	120	120
	Các thôn còn lại			126	76	76

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đường 258					
1	Đoạn 1	Ngã ba thôn 4	Cầu Pác Co	2.550	1.530	1.530
2	Đoạn 2	Cầu Pác Co	Ngã tư đường QL279 và đường ĐT258	2.550	1.530	1.530
3	Đoạn 3	Ngã tư đường QL279 và đường ĐT258 (thôn 1)	Ngã ba đường đi Đồn Đền	2.300	1.380	1.380
4	Đoạn 4	Ngã ba đường đi Đồn Đền	Hết đất thôn Dài Khao, xã Chợ Rã đi về phía xã Ba Bể	700	420	420
5	Đoạn 5	Ngã ba thôn 4	Bệnh viện đa khoa Ba Bể	2.550	1.530	1.530
6	Đoạn 6	Bệnh viện đa khoa Ba Bể theo hướng phía đi xã Thượng Minh	Cổng 1 thôn 2	2.000	1.200	1.200
7	Đoạn 7	Cổng 1 thôn 2	Đường rẽ vào Nhà văn hoá thôn Nà Mô	1.000	600	600
8	Đoạn 8	Đường rẽ vào Nhà văn hoá thôn Nà Mô	Đường rẽ vào thôn Bàn Vàng	700	420	420
9	Đoạn 9	Tiếp từ ngã ba đường rẽ vào Bàn Vàng đi về phía Phù Thông (đọc hai bên đường ĐT258)	Đến hết đất xã Chợ Rã	500	300	300
10	Đoạn 10	Ngã ba Cầu Toong đi cầu treo Cốc Phát	Ngã ba đường ĐT258	1.750	1.050	1.050
11	Đoạn 11	Ngã ba đường ĐT258	Đầu cầu Cốc Phát	1.750	1.050	1.050
	Trục phụ					
1	Từ tiếp đất Trung tâm Y tế đến Trường Trung học phổ thông Ba Bể	Từ tiếp đất Trung tâm Y tế	Trường Trung học phổ thông Ba Bể	1.800	1.080	1.080
2	Từ ngã ba Chợ Pác Co đến cổng chùa Phở Cũ	Ngã ba Chợ Pác Co	Cổng chùa Phở Cũ	1.500	900	900
3	Đường nối từ ĐT258 (thôn 8) đến QL279 (thôn 2)	Đường nối từ ĐT258 (thôn 8)	Đến QL279 (thôn 2)	1.200	720	720
4	Đường nối từ ĐT258 (thôn 1) đến QL279 (thôn 1)	ĐT258 (thôn 1)	Đến QL279 (thôn 1)	1.400	840	840
5	Đường rẽ từ ĐT258 đến nhà văn hoá thôn 4	Đường rẽ từ ĐT258	Nhà văn hoá thôn 4	1.800	1.080	1.080
7	Đường từ ĐT258 cạnh Bệnh viện đa khoa Ba Bể nối với đường vào Trường PT dân tộc nội trú	Đường từ ĐT258 cạnh Bệnh viện đa khoa Ba Bể	Nối với đường vào Trường PT dân tộc nội trú	1.500	900	900
8	Đường từ ngã ba kéo Già Eng đi	Đường từ ngã ba kéo Già Eng đi	Hết đất xã Chợ Rã	300	180	180

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	Đồn Đền đến hết đất xã Chợ Rã	Đồn Đền				
II	Đường QL279					
1	Đoạn 1	Đường rẽ vào Lâm trường	Ngã ba đầu nối QL279 (Thôn 3)	1.900	1.140	1.140
2	Đoạn 2	Ngã ba đầu nối QL279 (Thôn 3)	Đường rẽ vào Khu căn cứ chiến đấu Ban CHQS huyện	1.750	1.050	1.050
3	Đoạn 3	Đường rẽ vào Khu căn cứ chiến đấu Ban CHQS huyện	Hết đất xã Chợ Rã	1.400	840	840
4	Đoạn 4	Đường rẽ vào Lâm trường Ba Bể	Ngã ba đường ĐT258 và QL279 (thôn 4)	2.550	1.530	1.530
5	Đoạn 5	Cổng ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bể)	Ngã tư Thôn 2	2.550	1.530	1.530
6	Đoạn 6	Đường QL279 nối từ Thôn 3	Cổng ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bể)	2.350	1.410	1.410
7	Đoạn 7	Ngã tư đường QL279 giao với đường 258 (Thôn 2)	Đầu cầu Tà Nghè (Thôn 2)	2.550	1.530	1.530
8	Đoạn 8	Đầu cầu Tà Nghè (qua Thôn 2)	Đường nối QL 279 (thôn 2) với đường ĐT 258 (thôn 8) cạnh quán Trịnh Việt	7.500	4.500	4.500
9	Đoạn 9	Đường nối QL 279 (thôn 2) với đường ĐT 258 (thôn 8) cạnh quán Trịnh Việt	Ngã tư Thôn 1	4.500	2.700	2.700
10	Đoạn 10	Ngã tư Thôn 1	Cổng 2 Thôn 1 hướng đi thôn Phiêng Chi	2.550	1.530	1.530
11	Đoạn 11	Cổng 2 Thôn 1 hướng đi thôn Phiêng Chi	Cầu Kéo Mắt	1.000	600	600
12	Đoạn 12	Cầu Kéo Mắt	Cầu Bán Ngủ	700	420	420
13	Đoạn 13	Cầu Bán Ngủ	Hết đất xã Chợ Rã	300	180	180
	Trục phụ					
1	Đường từ QL279 vào Trường PT dân tộc nội trú	QL279	Trường PT dân tộc nội trú Ba Bể	1.000	600	600
2	Từ ngã ba (đường giao giữa đường 279 với tuyến 258B mới) đối diện nhà ông Khôi Thôn 3 đến ngã ba đường ĐT258	Ngã ba (đường giao giữa đường 279 với tuyến ĐT258B mới)	Ngã ba đường ĐT258	1.750	1.050	1.050
3	Đường nối từ QL279 đến Trạm y tế xã Thượng Giáo cũ	Đường nối từ QL279	Trạm y tế xã Thượng Giáo cũ	900	540	540
III	Đường ĐT258B					
1	Đoạn 1	Cầu Pác Co	Đầu cầu Tin Đồn	2.550	1.530	1.530
2	Đoạn 2	Đầu cầu Tin Đồn	Cổng UBND xã Chợ Rã	800	480	480
3	Đoạn 3	Đầu cầu Tin Đồn	Trung tâm giáo dục	800	480	480

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
			nghề nghiệp (đường đi Pác Nặm)			
4	Đoạn 4	Hết đất Trung tâm giáo dục nghề nghiệp (đường đi Pác Nặm)	Đầu cầu Cốc Phát	580	348	348
5	Đoạn 5	Đầu cầu Cốc Phát	Hết đất xã Chợ Rã đi phía Pác Nặm	580	348	348
6	Đoạn 6	Đầu cầu Tin Đồn	Đầu cầu Kéo Mắt	800	420	420
IV	Các khu tái định cư					
1	Dự án vùng nguy cơ sạt lở cao thị trấn Chợ Rã (Thôn 4)					
1.1	Dự án vùng nguy cơ sạt lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 1 (từ lô 21 đến lô 39)			2.450	1.470	1.470
1.2	Dự án vùng nguy cơ sạt lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 2, Khu 3 (từ lô 41 đến 51; từ lô 54 đến lô 63; từ lô 66 đến lô 73; từ lô 76 đến lô 82 và các lô 40, 52, 53, 64, 65, 74, 75, 83)			2.350	1.410	1.410
1.3	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới là 17,5m			3.700	2.220	2.220
1.4	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới là 11,5m			3.400	2.040	2.040
2	Đường nội bộ khu tái định cư Thôn 2, thị trấn Chợ Rã cũ			5.000	3.000	3.000
3	Đường nội bộ khu HTKT trung tâm xã Chợ Rã (đất TĐC ô 9, ô 10)			5.000	3.000	3.000
V	Các đường còn lại					
1	Các đường còn lại thuộc thị trấn Chợ Rã cũ			650	390	390
2	Các đường còn lại			180	108	108

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đất khu du lịch					
	Khu động Hua Mạ từ trung tâm đường rẽ lên động bán kính 100m	Trung tâm đường rẽ lên động	Bán kính 100m	700	420	420
II	Tuyến đường 257B					
1	Đoạn 1	Từ ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê cũ	Đến hết đất xã Quảng Khê cũ.	650	390	390
2	Đoạn 2	Từ đất xã Đồng Phúc (giáp xã Quảng Khê cũ)	Đến công trường mầm non Đồng Phúc (Cũ)	650	390	390
3	Đoạn 3	Từ công trường mầm non Đồng Phúc (Cũ)	Đến ngã ba rẽ vào thôn Nà Thầu.	500	300	300
4	Đoạn 4	Từ ngã ba rẽ vào thôn Nà Thầu	Đến hết đường bê tông cuối thôn Bàn Chán	330	198	198
5	Đoạn 5	Từ đất xã Bằng Phúc(cũ) (giáp xã Phương Viên(cũ))	Đến giáp đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	250	150	150
6	Đoạn 6	Từ ngã ba cầu Nà Bay	Đến công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc (cũ)	450	270	270
7	Đoạn 7	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc cũ	Đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Bằng Phúc	500	300	300
8	Đoạn 8	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc cũ	Đến Đập Thủy điện	370	222	222
9	Đoạn 9	Từ ngã ba rẽ lên đồn đền xã Quảng Khê (cũ) đi xã Đồng Phúc (cũ) theo đường 257B	Đến hết đất xã Đồng Phúc	300	180	180
	Trục phụ					
1	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ đến ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê cũ	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ	Ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê cũ	450	270	270
2	Từ giáp đất xã Quảng Khê cũ đến thác Tát Mạ, xã Hoàng Trĩ cũ	Giáp đất xã Quảng Khê cũ	Thác Tát Mạ, xã Hoàng Trĩ cũ	350	210	210
3	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ cũ đến hết đất giáp xã Nam Mẫu cũ	Ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ cũ	Giáp xã Nam Mẫu cũ	350	210	210
4	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			200	120	120
III	Đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể					

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang					
1	Đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (Đoạn qua xã Bằng Phúc (cũ))			350	210	210
2	Đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (Đoạn qua xã Đồng Phúc (cũ))			500	300	300
3	Đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (Đoạn qua xã Quảng Khê (cũ))			500	300	300
4	Đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (Đoạn qua xã Hoàng Trĩ (cũ))			400	240	240
5	Tuyến Đường Quảng Khê - Khang Ninh (trên địa bàn xã Đồng Phúc)			300	180	180
IV	Đất ở xung quanh trụ sở UBND xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ và trường học (trường chính) có khoảng cách 200m (ngoài các vị trên)			700	420	420
V	Các đường còn lại			126	76	76